LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC HỌC

NGUYỄN THỊ THU HẰNG. ***Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam (qua các môn học tự nhiên và xã hội, khoa học)***

Chuyên ngành: Lý luận và lịch sử giáo dục

Mã số: 62 14 01 02

Con người trong xã hội hiện đại không chỉ cần có tri thức, sức khoẻ, kỹ năng nghề nghiệp, mà cần có những giá trị đạo đức, thẩm mĩ, nhân văn đúng đắn và có những kỹ năng sống (KNS) nhất định. Việc giáo dục kỹ năng sống (GDKNS) cho học sinh nói chung, học sinh tiểu học (HSTH) nói riêng có vai trò rất quan trọng. Nó không chỉ giúp các em có được kiến thức và kỹ năng cần thiết để rèn luyện hành vi có trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và cộng đồng, mà còn tăng khả năng ứng phó và ứng xử phù hợp trong các tình huống của cuộc sống. Những yếu tố như: môi trường sống, điều kiện kinh tế, phong tục tập quán... đã và đang tạo ra những nguy cơ, thách thức đối với sự phát triển của HSTH người dân tộc thiểu số (DTTS). Điều đó càng khẳng định rằng việc GDKNS cho các em là rất cần thiết. Tuy nhiên, cho đến nay, chưa có một tài liệu hướng dẫn cụ thể nào chỉ ra những đặc điểm riêng, đặc thù trong việc GDKNS cho các đối tượng HSTH ở khu vực này.

Với những lý do trên, NCS. Nguyễn Thị Thu Hằng đã lựa chọn vấn đề "Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam (qua các môn tự nhiên và xã hội, khoa học)" làm đề tài nghiên cứu luận án của mình, đối tượng hướng đến chủ yếu là HSTH.

Chương 1: Cơ sở khoa học về giáo dục KNS cho học sinh DTTS khu vực miền núi phía Bắc qua dạy học các môn tự nhiên và xã hội, khoa học

GDKNS là trang bị cho người học những kiến thức, thái độ, giá trị và tạo cơ hội cho họ rèn luyện, trải nghiệm trong cuộc sống thực tiễn, từ đó giúp họ có thể làm chủ bản thân, ứng xử tích cực với mọi người xung quanh và ứng phó, giải quyết có hiệu quả các tình huống, vấn đề trong cuộc sống. GDKNS thông qua dạy học các môn học ở nhà trường là quá trình tổ chức các hoạt động dạy học nhằm giúp người học vừa chiếm lĩnh được kiến thức, hình thành được kỹ năng khoa học của môn học, vừa rèn luyện những KNS nhất định.

Ở Việt Nam, đến nay, KNS và GDKNS đã được nghiên cứu và đang tiến hành triển khai rộng rãi tới tất cả các tỉnh thành trong cả nước. Nhìn chung, các cơ sở lý luận về KNS, GDKNS đã được hình thành khá rõ, tuy nhiên, còn một số vấn đề chưa được sáng tỏ. HSTH người DTTS có những đặc điểm riêng về điều kiện sống, tâm lý, giao tiếp, học tập. Do đó, ngoài việc tuân theo những đặc điểm, nguyên tắc chung thì quá trình GDKNS cho HSTH người DTTS còn phải đảm bảo các nguyên tắc riêng, xuất phát từ tính chất đặc thù của đối tượng.

Để xác định những KNS cần được giáo dục và những yếu tố ảnh hưởng, làm căn cứ đề xuất những biện pháp GDKNS qua dạy học môn tự nhiên và xã hội, môn khoa học, trước hết luận án tiến hành điều tra thực trạng nhằm thu

thập, tìm kiếm thông tin để từ đó đánh giá KNS của HSTH người DTTS khu vực miền núi phía Bắc và việc tiếp cận thực hiện GDKNS trong các trường tiểu học ở khu vực này (việc điều tra được thực hiện trên một số cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh ở 6 tỉnh: Yên Bái, Thái Nguyên, Hà Giang, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Hoà Bình thông qua bảng hỏi, kết hợp quan sát và phỏng vấn sâu).

Kết quả cho thấy, hiện nay, *KNS của HSTH người DTTS* ở miền núi phía Bắc chỉ đạt được ở mức độ trung bình. Học sinh sống cởi mở, chủ động giao tiếp với người quen nhưng chưa chủ động, còn rụt rè trong giao tiếp với người lạ; bước đầu có ý thức làm việc nhóm khi giáo viên yêu cầu nhưng còn bị động; chưa chủ động nêu ý kiến trong các hoạt động nhóm nhưng biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến người khác; khả năng thể hiện ngôn ngữ cơ thể không nhiều; khả năng giải quyết mâu thuẫn và nói lời từ chối còn ở mức độ thấp. *Về phía giáo viên*: Việc thực hiện GDKNS hiện còn nhiều khó khăn và mức độ hiệu quả mới chỉ đạt được ở mức trung bình yếu. Phần lớn giáo viên đã có những nhận thức đúng đắn về sự cần thiết phải thực hiện GDKNS cho học sinh, bước đầu đã được tiếp cận với các tài liệu, chương trình liên quan nhưng không thường xuyên, liên tục và không sâu, không theo sát với việc vận dụng sao cho phù hợp với đối tượng mang tính chất vùng miền. Nhiều giáo viên cũng đã chọn con đường GDKNS thông qua các môn tự nhiên và xã hội, môn khoa học, tuy nhiên kết quả thực hiện cũng chỉ đạt ở mức độ trung bình yếu.

Chương 2: Biện pháp GDKNS cho học sinh DTTS khu vực miền núi phía Bắc qua học các môn tự nhiên và xã hội, khoa học

Dựa trên việc kết hợp hai cách tiếp cận: khai thác nội dung môn học để giáo dục các KNS riêng mang tính đặc thù của HSTH người DTTS và tổ chức, sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực để giáo dục các KNS chung theo hướng tăng cường tương tác, trải nghiệm; đồng thời vận dụng kết hợp GDKNS qua môn học ở trên lớp với việc thực hiện ngoài giờ học của học sinh, luận án đề xuất các biện pháp nhằm GDKNS cho HSTH người DTTS qua dạy học các môn tự nhiên và xã hội, môn khoa học. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, cần khai thác nội dung và lựa chọn các bài học phù hợp để GDKNS cho HSTH người DTTS. Trong đó cần phải chú ý tập trung và rèn luyện những KNS chung như kỹ năng tự tin, chủ động trình bày, nêu vấn đề; kỹ năng thương lượng và xử lý mâu thuẫn; kỹ năng hợp tác và làm việc tập thể; kỹ năng bày tỏ ý kiến để nêu quan điểm của bản thân, đồng ý hay phản đối trước những vấn đề, tình huống cụ thể; kỹ năng xác định giá trị của bản thân; kỹ năng nhận thức về cơ thể; kỹ năng định hướng, đánh giá hành vi của bản thân; kỹ năng đối mặt với vấn đề một cách tích cực; kỹ năng nhận diện, phân tích vấn đề; kỹ năng tìm kiếm sự giúp đỡ; kỹ năng ra quyết định giải quyết vấn đề.

Thứ hai, cần sử dụng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học tích cực để GDKNS. Từ nội dung GDKNS đã được xác định ở trên, cùng những yêu cầu thực tiễn và vai trò của việc sử dụng phương pháp dạy học tích cực để GDKNS, luận án đề xuất các biện pháp GDKNS chung cho HSTH người DTTS khu vực miền núi phía Bắc theo hướng sử dụng kết hợp các hình thức tổ chức dạy học trên lớp với dạy học ngoài lớp thông qua một số phương pháp dạy học tích cực ở

môn tự nhiên và xã hội, môn khoa học. Biện pháp này nhằm tạo điều kiện cho học sinh được tương tác, trải nghiệm; khắc phục tính rụt rè, nhút nhát trong giao tiếp; tạo động cơ, kích thích nhu cầu đối với việc học tập ở trên lớp; khai thác, sử dụng phương tiện, đồ dùng dạy học đơn giản, phù hợp với điều kiện thực tiễn nhưng mang lại hiệu quả cao.

Thứ ba, chú trọng rèn luyện sau giờ học. Hoạt động này giúp học sinh được tham gia vào các hoạt động thiết thực trong cuộc sống hàng ngày, là việc làm cần thiết nhằm củng cố, duy trì kỹ năng, gắn kiến thức, KNS được hình thành trên lớp với kỹ năng trong thực tế. Ngoài ra, nó còn làm tăng thêm mối quan hệ gắn kết giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng nơi HSTH người DTTS sinh sống.

Chương 3: Kiểm nghiệm và đánh giá kết quả nghiên cứu

Nhằm xác định tính khả thi của các biện pháp đề xuất làm cơ sở cho việc lựa chọn và điều chỉnh để tiến hành thực nghiệm sư phạm, trước hết luận án tiến hành *khảo nghiệm tính khả thi của các biện pháp giáo dục bằng phương pháp chuyên gia*. Thành phần chuyên gia gồm chuyên gia nghiên cứu về khoa học giáo dục; hiệu trưởng, hiệu phó và giáo viên công tác tại các trường tiểu học có nhiều học sinh người DTTS (100 chuyên gia). Việc khảo nghiệm được thực hiện qua hai con đường cơ bản: (1) Dạy thử nghiệm bài học theo các biện pháp đề xuất trên 6 lớp của 3 trường tại 3 tỉnh khác nhau; (2) Sử dụng phiếu trưng cầu ý kiến với các đối tượng giáo viên, các cán bộ quản lý tại trường tiểu học có nhiều HSTH người DTTS, các nhà khoa học nghiên cứu về giáo dục.

Kết quả cho thấy: *Thứ nhất*, qua trưng cầu ý kiến bằng phiếu, tất cả các biện pháp đều có tính khả thi cao và có thể thực hiện thành công. Phần lớn số người được trưng cầu ý kiến tán thành những biện pháp được xây dựng, trong đó ý kiến đánh giá ở mức độ rất khả thi đạt tỷ lệ cao hơn các mức độ khác (từ 66% đến 79%). *Thứ hai*, qua quan sát, phỏng vấn trực tiếp về tiết dạy khảo nghiệm, việc thiết kế và tổ chức GDKNS qua dạy học môn tự nhiên và xã hội, môn khoa học theo các biện pháp đã được đề xuất là phù hợp và có thể triển khai được. Các biện pháp này đã tạo điều kiện cho học sinh được hoạt động, được tham gia, nên có tác dụng nhất định đến hứng thú, động cơ học tập của học sinh, không gây xáo động trong quá trình dạy học, không ảnh hưởng tới việc thực hiện mục tiêu bài học, và giáo viên hoàn toàn có thể thực hiện được việc GDKNS cho học sinh.

Tiếp đến luận án tiến hành *thực nghiệm sư phạm* nhằm 1/ kiểm chứng tính khả thi của biện pháp GDKNS qua dạy học môn tự nhiên và xã hội, môn khoa học; và 2/ khẳng định tác động tích cực của các biện pháp được đề xuất tới việc nâng cao KNS và chất lượng dạy học môn tự nhiên và xã hội, môn khoa học. Đối tượng thực nghiệm là HSTH người DTTS của 3 trường tiểu học: Nguyễn Thị Minh Khai (Huyện Lục Yên, Yên Bái); Hòa Bình (Huyện Lộc Bình, Lạng Sơn); Tân Long (Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên). Nội dung thực nghiệm: 6 kế hoạch bài học của môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 và 9 kế hoạch bài học của môn Khoa học lớp 5.

Phân tích kết quả thực nghiệm cho thấy: *Thứ nhất*, *về kết quả học tập môn tự nhiên và xã hội, môn khoa học của học sinh*: 1/ Kết quả điểm kiểm tra trước thực nghiệm của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng cho thấy: Học sinh cả hai nhóm có học lực môn tự nhiên và xã

hội, môn khoa học tương đương nhau, đạt mức trung bình yếu. Kiểm định T-Test phụ thuộc giữa hai nhóm của lớp 3 và lớp 5 đều có p > 0,05, điều đó chứng tỏ sự khác nhau về điểm số của các bài kiểm tra giữa hai nhóm này là không có ý nghĩa, sự khác nhau đó xảy ra phần lớn là do ngẫu nhiên. 2/ Sau thực nghiệm, kết quả của nhóm thực nghiệm đã tăng lên một bậc và đạt mức độ khá, còn nhóm đối chứng không thay đổi. Thực hiện phép kiểm chứng T-test độc lập đối với điểm số của hai nhóm thu được p < 0,00001. Tính độ lớn của giá trị trung bình chuẩn (SMD) để đo mức độ ảnh hưởng được kết quả SMD > 1. Điều đó khẳng định rằng: các biện pháp sử dụng trong thực nghiệm đã có tác động rất lớn đến việc học sinh lĩnh hội tri thức khoa học của môn tự nhiên và xã hội, môn khoa học, nó góp phần làm tăng điểm số và học lực của học sinh. *Thứ hai*, *về mức độ thực hiện các nhóm KNS của học sinh*: Trước thực nghiệm, mức độ thực hiện các KNS của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm là tương đương nhau. Các KNS đều đạt mức độ trung bình yếu. Mức độ này cũng phản ánh đúng thực trạng mức độ KNS của HSTH người DTTS nói chung được phân tích trong chương 1 của luận án. Sau thực nghiệm, do có sự tác động của biện pháp đề xuất, kết quả điểm số và mức độ các KNS của nhóm thực nghiệm đã cao hơn hẳn so với nhóm đối chứng (trong đó nhóm thực nghiệm ở lớp 5 tăng nhiều hơn so với nhóm lớp 3). GDKNS của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng diễn ra trong điều kiện như nhau về thời gian, về điều kiện hoạt động và cùng được tiến hành thông qua các môn học tự nhiên và xã hội, môn khoa học, chỉ khác nhau về biện pháp tác động.

Như vậy, có thể khẳng định tính hiệu quả và khả thi của các biện pháp đề xuất. Kết quả quan sát và đánh giá trước và sau thực nghiệm càng khẳng định: Việc sử dụng các biện pháp GDKNS cho HSTH người DTTS qua dạy học môn tự nhiên và xã hội, môn khoa học theo đề xuất của đề tài không chỉ nâng cao KNS mà còn làm tăng kết quả học tập các môn học cho học sinh.

Như vậy, kết quả quá trình khảo nghiệm thăm dò và thực nghiệm sư phạm được tiến hành trong hai năm học 2010-2011 và 2011-2012 đã khẳng định tính khả thi và hiệu quả thiết thực của các nhóm biện pháp, khẳng định tính đúng đắn của giả thuyết khoa học ban đầu đã đặt ra.

Từ những nghiên cứu ở trên, tác giả luận án nêu lên một số khuyến nghị tập trung vào các nội dung:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo cần sớm có quy định về mục tiêu, chương trình GDKNS cho học sinh các cấp học, trong đó có cấp tiểu học ở các vùng miền khác nhau, đặc biệt là học sinh người DTTS.

- Giáo viên cần thay đổi từ cách dạy chỉ chú trọng đến đọc, viết và làm tính đang phổ biến ở các trường tiểu học miền núi phía Bắc hiện nay, sang dạy các kỹ năng cho học sinh, trong đó có KNS.

- Giáo viên có thể sử dụng phối hợp các biện pháp được tác giả đề xuất trong những tiết học bài mới và những tiết ôn tập cuối mỗi chủ đề của môn học.

- Giáo viên và nhà trường nên có những hoạt động gắn kết với gia đình với già làng, trưởng bản, chính quyền địa phương để GDKNS.

Luận án bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp Viện, họp tại Viện Khoa học giáo dục Việt Nam, năm 2013.

DIỆU LINH
giới thiệu